



CO LỎI REN ÁP LỰC INOX 316L

MÃ SẢN PHẨM TÊN SẢN PHẨM

Kiểu Nối
Chật Liệu
Tiêu Chuẩn
Áp Lực
Kích Cỡ
Sử Dụng

Tình Trạng
Xuất Xứ
Đơn Giá

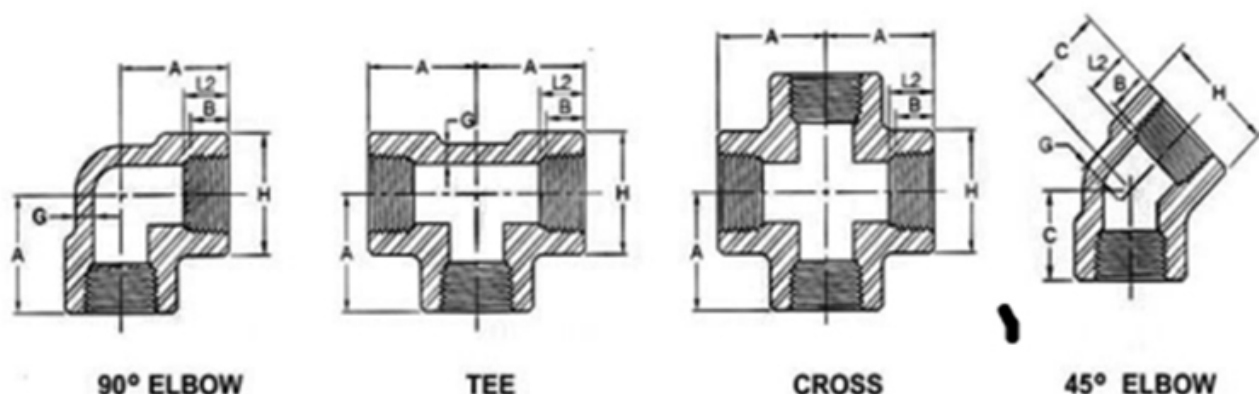
MSP – 5

CO REN 45° INOX ASTM A 182 ASME/ANSI B16.11 CLASS 3000LBS

Ren trong- Screwed NPT & BS PT
Thép không gỉ- Inox ASTM A182 F 304 - F 316L
ASME/ANSI B 16.11
Class 3000 Lbs ~ 6000 Lbs ~ 9000 Lbs
DN 8A → DN 100A ⇔ (1/4" inch → 4" inch)
Khí Oxy, nitơ, gas, xăng, dầu, thủy lực, hơi nóng,
khí nén...
Hàng có sẵn, mới 100%
Đài Loan - Trung Quốc
Xin liên hệ

Thread Fittings

ASME B16.11-2009 (Revision of ASME B16.11-2005)



DN	Nom. Pipe Size	Center to End Elbow, Tee, Cross A			Center to End 45° Elbow C			Outside Diameter Of Band H			Minimum Wall Thickness G			Length of Thread Min. (1)	
		2000	3000	6000	2000	3000	6000	2000	3000	6000	2000	3000	6000	B	L2
6	1/8"	21	21	25	17	17	19	22	22	25	3.18	3.18	6.35	6.4	6.7
8	1/4"	21	25	28	17	19	22	22	25	33	3.18	3.30	6.60	8.1	10.2
10	3/8"	25	28	33	19	22	25	25	33	38	3.18	3.51	6.98	9.1	10.4
15	1/2"	28	33	38	22	25	28	33	38	46	3.18	4.09	8.15	10.9	13.6
20	3/4"	33	38	44	25	28	33	38	46	56	3.18	4.32	8.53	12.7	13.9
25	1"	38	44	51	28	33	35	46	56	62	3.68	4.98	9.93	14.7	17.3
32	1-1/4"	44	51	60	33	35	43	56	62	75	3.89	5.28	10.59	17.0	18.0
40	1-1/2"	51	60	64	35	43	44	62	75	84	4.01	5.56	11.07	17.8	18.4
50	2"	60	64	83	43	44	52	75	84	102	4.27	7.14	12.09	19.0	19.2
65	2-1/2"	76	83	95	52	52	64	92	102	121	5.61	7.65	15.29	23.6	28.9
80	3"	86	95	106	64	64	79	109	121	146	5.99	8.84	16.64	25.9	30.5
100	4"	106	114	114	79	79	79	146	152	152	6.55	11.18	18.67	27.7	33.0

(1) Dimensions in Millimeters.

(2) Dimension B is minimum length of perfect thread. The length of useful thread (B plus threads with fully formed roots and flat crests) shall not be less than L2 (effective length of external thread) required by American National Standard for Pipe Threads (ANSI/ASME B1.20.1)

Sản phẩm khác



—

[RẮC CO REN THÉP RÈN A105](#)

[Xem thêm RẮC CO REN THÉP RÈN A105](#)



—

[CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L](#)

[Xem thêm CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L](#)



—

[MẶT BÍCH RỒNG INOX 304](#)

[Xem thêm MẶT BÍCH RỒNG INOX 304](#)



—

[MẶT BÍCH INOX 304](#)

[Xem thêm MẶT BÍCH INOX 304](#)



—

MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

[Xem thêm MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40](#)



—

MẶT BÍCH CỖ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

[Xem thêm MẶT BÍCH CỖ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS](#)

